

Số: /QĐ - BNV

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2019**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ**

*Căn cứ Nghị định số 34/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Thông báo số 948/TB-BTC ngày 14/12/2020 của Bộ Tài chính về việc thẩm định quyết toán ngân sách năm 2019;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2019 của Bộ Nội vụ (theo bảng biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị dự toán thuộc, trực thuộc và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Bộ Tài chính;
- Công thông tin điện tử BNV;
- Lưu VT, KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Trọng Thừa**

## PHỤ LỤC I

### **THUYẾT MINH SỐ LIỆU QUYẾT TOÁN NĂM 2019** (Kèm theo quyết định số /QĐ-BNV ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

Căn cứ Thông báo số 948/TB-BTC ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc thẩm định quyết toán ngân sách nhà nước năm 2019 của Bộ Nội vụ;

Bộ Nội vụ công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2019 như sau:

#### **I. Nguồn ngân sách trong nước:**

**1. Số dư kinh phí năm 2018 chuyển sang năm 2019:** 7.820.592.884 đồng (Thông báo số 25/TB-BTC ngày 07/01/2020 của Bộ Tài chính thẩm định quyết toán ngân sách năm 2018); gồm:

a) Kinh phí thường xuyên: 4.580.592.884 đồng; gồm:

- Kinh phí đã nhận: 260.000.000 đồng (Loại 340-341).

- Dự toán: 4.320.592.884 đồng; gồm:

+ Loại 160-161: 41.363.415 đồng;

+ Loại 340-341: 4.279.229.469 đồng.

b) Kinh phí không thường xuyên: 3.240.000.000 đồng; gồm:

- Kinh phí đã nhận: 990.000.000 đồng (Loại 100-103).

- Dự toán: 2.250.000.000 đồng (Loại 100-103).

**2. Dự toán được giao trong năm: 554.864.972.832 đồng; gồm:**

a) Dự toán giao đầu năm: 552.290.000.000 đồng theo Quyết định số 2230/QĐ-BTC ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính giao dự toán chi ngân sách nhà nước cho Bộ Nội vụ.

b) Số bổ sung trong năm: 2.574.972.832 đồng; gồm:

- Bổ sung kinh phí tinh giản biên chế: 1.992.972.832 đồng theo công căn số 12580/BTC-HCSN ngày 21/10/2019 (785.378.948 đồng); công văn số 10835/BTC-HCSN ngày 17/9/2019 (1.207.593.884 đồng).

- Bổ sung kinh phí tổ chức Lễ phát động công chức viên chức với phong trào thi đua thực hiện văn hóa công sở theo công văn số 8545/BTC-HCSN ngày 25/7/2019 của Bộ Tài chính: 582.000.000 đồng (chi QLHC, không tự chủ).

**3. Kinh phí thực nhận trong năm: 507.641.870.649 đồng, gồm:**

- Kinh phí thường xuyên/ tự chủ: 272.305.385.068 đồng;
- Kinh phí không thường xuyên/ không tự chủ: 235.336.485.581 đồng.

**4. Kinh phí quyết toán trong năm: 508.263.339.639 đồng; gồm:**

- Kinh phí thường xuyên/ tự chủ: 272.231.385.068 đồng;
- Kinh phí không thường xuyên/ không tự chủ: 236.031.954.571 đồng.

**5. Kinh phí giảm trong năm: 46.474.320.361 đồng, gồm:**

a) Kinh phí thường xuyên/tự chủ: dự toán bị hủy 5.000 đồng (Loại 340-341).

b) Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ: 46.474.315.361 đồng, gồm:

\* Kinh phí còn phải nộp NSNN: 294.531.010 đồng, gồm:

- Loại 070-085: 140.030.000 đồng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng của Cục Văn thư lưu trữ

- Loại 340-341: 154.501.010 đồng kinh phí của Cục Văn thư lưu trữ

\* Hủy dự toán: 46.179.784.351 đồng; gồm:

- Loại 070: 25.509.640.156 đồng; gồm:

+ Loại 070-081: 16.327.155.284 đồng gồm: Trường ĐH Nội vụ: 12.013.729.000 đồng; Học viện Hành chính: 4.313.426.284 đồng;

+ Loại 070-083: 2.081.811.961 đồng kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gồm: Văn phòng Bộ: 1.595.919.661 đồng; Trung tâm Thông tin: 156.231.800 đồng; Ban Thi đua Khen thưởng TW: 329.660.500 đồng.

+ Loại 070-085: 7.100.672.911 đồng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng gồm: Văn phòng Bộ: 4.938.366.584 đồng; Ban Tôn giáo Chính phủ: 439.866.515 đồng; Học viện Hành chính: 1.425.614.812 đồng; Trung tâm Thông tin: 111.400.000 đồng; Cục Văn thư và lưu trữ Nhà nước: 132.910.000 đồng; Ban Thi đua – Khen thưởng TW: 52.515.000 đồng.

- Loại 100-103: 457.027.309 đồng kinh phí hoạt động khoa học gồm: Ban Tôn giáo Chính phủ: 19.184.000 đồng; Viện Khoa học Tổ chức Nhà nước: 141.370.053 đồng; Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước: 296.473.256 đồng.

- Loại 160: 1.309.654.279 đồng; gồm:

+ Loại 160- 161: 504.924.309 đồng kinh phí Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước.

+ Loại 160-171: 804.729.970 đồng kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia CNTT gồm: Trung tâm Thông tin: 802.529.970 đồng; Ban Tôn giáo Chính phủ: 2.200.000 đồng.

- Loại 250-278: 115.354.000 đồng kinh phí của Ban Tôn giáo Chính phủ.

- Loại 280-332: 662.224.216 đồng gồm Văn phòng Bộ: 600.000.000 đồng (kinh phí thực hiện Dự án 513); Ban Tôn giáo Chính phủ: 62.224.216 đồng.

- Loại 340: 18.122.776.391 đồng, gồm:

+ Loại 340-341: 18.120.041.991 đồng, gồm: Văn phòng Bộ: 8.853.527.057 đồng; Cục Văn thư lưu trữ: 1.175.784.513 đồng; Ban Tôn giáo Chính phủ: 5.461.125.153 đồng; Ban Thi đua KTTW: 1.473.364.795 đồng; Trung tâm Thông tin: 100.421.060 đồng; Đề án 500 tri thức trẻ: 849.028.993 đồng; Dự án VNM9P04 (vốn đối ứng): 206.790.420 đồng.

+ Loại 340-368: 2.734.400 đồng kinh phí đóng niên liễm của Cục Văn thư lưu trữ NN.

- Loại 370-398: 3.108.000 đồng kinh phí Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội (Văn phòng Bộ)

**6. Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm 2020 sử dụng và quyết toán: 7.947.905.716 đồng; gồm:**

a) Kinh phí thường xuyên/tự chủ: 6.112.302.816 đồng; gồm:

- Kinh phí đã nhận: 334.000.000 đồng kinh phí Văn phòng Bộ.

- Dự toán còn dư ở kho bạc: 5.778.302.816 đồng; gồm:

+ Loại 070: 85.176.843 đồng, gồm:

\* Loại 070-081: 56.926.044 đồng, gồm Trường Đại học Nội vụ Hà Nội: 25.000.000 đồng; Học viện Hành chính Quốc gia: 31.926.044 đồng.

\* Loại 070-082: 28.250.799 đồng kinh phí Học viện Hành chính Quốc gia.

+ Loại 160-161: 260.849.767 đồng kinh phí Cục Văn thư lưu trữ

+ Loại 340-341: 5.432.276.206 đồng, gồm Văn phòng Bộ: 2.506.989.429 đồng; Cục Văn thư lưu trữ: 2.038.105.714 đồng; Ban Tôn giáo Chính phủ: 287.181.063 đồng; Ban Thi đua Khen thưởng TW: 600.000.000 đồng.

b) Kinh phí không thường xuyên/ không tự chủ: Dự toán còn dư ở kho bạc: 1.835.602.900 đồng (Loại 100-103) kinh phí thực hiện các Đề tài khoa

học công nghệ đang trong quá trình thực hiện; gồm: Trường ĐH Nội vụ: 200.000.000 đồng; Viện Khoa học Tổ chức nhà nước: 1.635.602.900 đồng.

## **II. Nguồn phí được khấu trừ để lại**

1. Số dư kinh phí năm 2018 chuyển sang năm 2019: 517.458.006 đồng.
2. Dự toán được giao trong năm: 460.000.000 đồng.
3. Số thu được để lại trong năm: 1.479.976.950 đồng.
4. Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán: 1.148.086.880 đồng.
5. Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 849.348.076 đồng.

## **III Nguồn vốn viện trợ ( Dự án VNM9P04)**

1. Số dư kinh phí năm 2018 chuyển sang năm 2019: 1.479.897.246 đồng
2. Số nhận viện trợ trong năm: 3.530.440.087 đồng.
3. Số kinh phí sử dụng đề nghị quyết toán: 5.010.337.333 đồng.